

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 01/2025/TLST- DS ngày 16/7/2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Tổng Công ty B. Địa chỉ: Số 05, đường Ph, phường C, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Quang H – Chức vụ Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thị H1 - Chức vụ: Phó Giám đốc B tỉnh Th.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị M, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ 7, phường Đ, tỉnh Th.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Tr, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 7, phường Đ, tỉnh Th. Người đại diện theo ủy quyền của bà Tr: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ 7, phường Đ, tỉnh Th.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Th. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn H - Giám đốc Sở N.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về diện tích đất tranh chấp

Tổng Công ty B được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 388,9m², gồm: Diện tích 33,5m² được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,1 + Diện tích 261,9m² được giới hạn bởi các điểm 3,4,7,8,3 + 93,5m² được giới hạn bởi các điểm 4,5,6,7,4 (có sơ đồ thửa đất kèm theo), loại đất công trình Bưu chính viễn thông, tại thửa số thửa đất số 96, tờ bản đồ số 17, vị trí đất tại tổ 7, phường Ng, thành

phố B, tỉnh B1 - Nay là tổ 7, phường Đ, tỉnh Th theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL953478 do Sở T và Mô tỉnh B - Nay là Sở N tỉnh Th cấp ngày 14/12/2023 mang tên B (Cục bưu phát và Trung tâm khai thác vận chuyển).

Bà Bùi Thị M có trách nhiệm tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40 dài 29,3m vị trí từ điểm B đến điểm C (có sơ đồ thửa đất kèm theo) và toàn bộ các cây mà bà Bùi Thị M đã dựng, trồng trên diện tích đất 261,9m².

2.2. Về khoản tiền trích trả

Tổng Công ty B có trách nhiệm hỗ trợ thanh toán chi phí san ủi trên diện tích đất 261,9m² cho bà Bùi Thị M với số tiền là 65.000.000 đồng (Sáu mươi năm triệu đồng).

2.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trên.

2.4. Về án phí:

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.775.000 đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi năm nghìn đồng). Được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 00001... ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Th. Nguyên đơn còn phải nộp tiếp số tiền 1.475.000 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSNDKV6
- THADS tỉnh;
- Tòa án tỉnh (kèm BBHGT);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Dương

